

KHẢO LƯỢC VỀ HIỆN TƯỢNG TRÙNG NGỮ TRONG TIẾNG ANH QUA TÁC PHẨM *JULIUS CAESAR* CỦA WILLIAM SHAKESPEARE

Nguyễn Thanh Minh¹, Trịnh Thị Thu Hà¹, Hoàng Thị Thu Hà¹, Mai Thùy Linh²

TÓM TẮT

Nghiên cứu này đề cập đến trùng ngữ - được định nghĩa là việc sử dụng các từ, cụm từ hoặc câu thừa trong nói hoặc viết - như là một trong những đặc điểm trong câu tiếng Anh. Trong nghiên cứu này, có thể giả thuyết rằng sự dư thừa của các cách diễn đạt trong trùng ngữ chỉ là bề ngoài. Theo đó, nghiên cứu phân tích toàn bộ 2767 câu thơ thuộc tác phẩm kịch *Julius Caesar* của William Shakespeare và tìm ra được 35 câu thơ để minh họa cho việc phân loại trùng ngữ: trùng ngữ cú pháp và trùng ngữ ngữ nghĩa cũng như mục đích sử dụng nó trong các tác phẩm này. Nghiên cứu đã đưa ra một số kết luận, trong đó quan trọng nhất là những từ, cụm từ và câu thừa được sử dụng của trùng ngữ không hề vô dụng; trên thực tế, trong một số tình huống, chúng rất cần thiết. Bằng cách lặp lại một phần của thông điệp, trùng ngữ nhấn mạnh hoặc làm rõ một ý cụ thể. Kết luận này xác nhận giả thuyết trên.

Từ khóa: Trùng ngữ, trùng ngữ cú pháp, trùng ngữ ngữ nghĩa, *Julius Caesar*, William Shakespeare.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xét về mặt lịch sử hình thành, hiện tượng trùng ngữ đã xuất hiện trong ngôn ngữ từ lâu. Xét về số lượng, đó là hiện tượng phổ biến, xuất hiện nhiều trong ngôn ngữ. Về mặt phong cách, nó xuất hiện trong các phong cách như hành chính, nghệ thuật, chính luận và khẩu ngữ. Xét về thể loại, nó không chỉ xuất hiện trong văn học (văn học dân gian và văn học bác học) mà còn phổ biến trong âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, thương mại. Xét về mặt tu từ, nó là hiện tượng ngôn ngữ có giá trị nhận thức và biểu đạt rất cao, tạo ra những hiệu ứng ngữ nghĩa mạnh mẽ, góp phần mang lại cảm xúc tốt đẹp, thú vị và mãnh liệt cho người đọc người nghe.

Đã có nhiều tác giả ở ngoài nước nghiên cứu về hiện tượng trùng ngữ, đáng kể và nổi bật nhất là Hughes (1984), Blumenfeld (1986, 1988),... Trong cuốn *Pretty Ugly: more oxymorons and other illogical expressions that make absolute sense* (1988) với 96 trang gồm mười chương, tác giả Warren S. Blumenfeld dành từ chương 7 đến chương 8 để viết về Pleonasm (trùng ngữ). Tác giả cũng đưa ra một số lượng ví dụ khá lớn về trùng ngữ. Patrick Hughes trong cuốn *More on oxymoron* (1984) cũng đã định nghĩa, phân loại và liệt kê rất nhiều ví dụ về hiện tượng trùng ngữ. Những phân tích, nhận xét sâu sắc của ông đã tạo cho cuốn sách một phong cách riêng và có một giá trị nhất định đối với những người nghiên cứu

¹ Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthanhminh@hdu.edu.vn

² Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa

ngôn ngữ [16]. Tuy nhiên, cũng như Warren S. Blumenfeld (1986), tác giả nói nhiều đến khía cạnh hài hước của các hiện tượng trùng ngữ nói trên chứ không phân tích đặc điểm cấu tạo, đặc điểm ngữ nghĩa và các giá trị khác của chúng. Đồng thời, các tác giả này cũng chất lọc các dẫn chứng từ nhiều tác giả khác nhau nhưng chưa có ai đi sâu vào phân tích trùng ngữ trong một tác phẩm cụ thể [5][6][11].

Ở Việt Nam, tác giả Cao Xuân Hạo (2005) là người dịch các thuật ngữ *ngịch ngữ*, *trùng ngữ*, *trùng ngôn* từ các thuật ngữ tiếng Anh tương ứng là *oxymoron*, *pleonasm*, *tautology*. Tác giả cũng khẳng định giá trị tu từ của trùng ngữ trong việc thể hiện nội dung văn bản tiếng Việt [2].

Ngoài những nội dung cơ bản nêu trên, các tác giả còn phân loại và liệt kê các ví dụ về trùng ngữ. Những công trình kể trên đều là những nghiên cứu rất có giá trị... Mặc dù vậy, các tác giả chưa miêu tả một cách đầy đủ cấu trúc cũng như giá trị của hiện tượng ngôn ngữ này. Chính vì vậy, chúng tôi mong muốn tiếp thu, kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, tiếp tục bổ sung thêm và góp phần vào lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ qua việc khảo sát hiện tượng ngôn ngữ, cụ thể: trùng ngữ trong tiếng Anh. Bài viết này khảo sát hiện tượng trùng ngữ xuất hiện trong tác phẩm Julius Caesar nhằm trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: “Các loại trùng ngữ được sử dụng trong tác phẩm Julius Caesar của William Shakespeare là gì?” và “Chức năng của hiện tượng trùng ngữ trong các trường hợp này là gì?”, từ đó có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu để phục vụ cho mục đích hiệu đính dịch thuật tác phẩm văn học *Julius Caesar*.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm “Trùng ngữ”

Gill and Dunne (2013) định nghĩa trùng ngữ là hình thức diễn đạt lặp lại cùng một ý trong các từ khác nhau hoặc các cấu trúc ngữ pháp khác nhau. Hiểu một cách đơn giản, trùng ngữ là việc sử dụng các từ, cụm từ hoặc câu thừa trong nói hoặc viết. Hay nói cách khác, trùng ngữ biểu thị sự bao gồm các từ không cần thiết [10][4][9]. Ví dụ: *The Trusts enjoy sole monopoly over all alcohol retail in West Auckland* (The Trusts có thương hiệu độc quyền về bán lẻ rượu tại West Auckland). Trong ví dụ trên, từ ‘sole’ (chỉ có một) đã lặp lại ý của từ ‘monopoly’ (độc quyền) bởi bản thân từ độc quyền đã mang nghĩa là chỉ có một doanh nghiệp chiếm vị trí độc tôn trong việc cung cấp một loại sản phẩm nhất định. Như vậy, “sole” trong ví dụ trên chỉ là yếu tố dư thừa, không thể hiện được ý mới, do đó được coi là trùng ngữ.

Ngoài ra, theo Murphy và Koskela (2010), trùng ngữ chỉ hoạt động như một bản sao của thuộc tính đã là một phần của định nghĩa về thành phần mà chúng sửa đổi. Ví dụ: “*I kicked it with my foot*” [5; tr.128] (Tôi đá nó bằng chân của tôi). Từ “kick” (đá) được giải nghĩa là “to hit something or someone with one’s foot” (*Cambridge dictionary*). Như vậy cả cụm “with my foot” chỉ là bản sao nhắc lại một phần định nghĩa của từ “kick” trước đó. Tuy nhiên câu “*I kicked it with my left foot*” lại không phải là một hiện tượng trùng ngữ vì trong câu này cụm từ “with my foot” đã được cụ thể hóa, mô tả bởi tính từ “left”. Nói cách khác, danh từ “foot” không phải từ thừa, mà bắt buộc phải đi theo sau tính từ “left”.

2.2. Phân loại trùng ngữ

Về phân loại, trùng ngữ có thể được phân loại theo hai bình diện: cú pháp và ngữ nghĩa [12]. Trùng ngữ cú pháp xảy ra khi nhiều từ dư thừa được sử dụng trong một cấu trúc câu mà không bổ sung thêm ý nghĩa gì. Điều này có nghĩa trùng ngữ cú pháp xảy ra khi một số từ chức năng nhất định được thêm vào mặc dù chúng không cần thiết về mặt ngữ pháp đối với câu. Ví dụ trong bài thơ *In Summertime on Bredon* của A.E. Housman, có câu sau: “*The bells they sound so clear*” (Tiếng chuông chúng kêu rất rõ). Trong ví dụ trên, đại từ nhân đôi chủ ngữ: “*The bells they*”, hay nói cách khác, chủ ngữ đại từ “*they*” là trùng ngữ cú pháp vì các câu mà chúng được sử dụng đã có chủ ngữ “*the bells*”. Vì vậy, chúng không cần thiết về mặt ngữ pháp. Một dạng trùng ngữ cú pháp thường thấy trong lời nói hàng ngày đó là trùng ngữ “do” (Crystal, 2003), hay được hiểu là trùng ngữ đa khẳng định khi sử dụng trợ động từ “do” trước động từ chính như trong ví dụ sau: *I do love you* (Tôi yêu em). Ở đây, trợ động từ “do” không có chức năng về mặt ngữ pháp trong câu, là một cách dùng dư thừa về mặt ngữ pháp. Nhưng xét về ý nghĩa, lối dùng như vậy tạo ra sự nhấn mạnh, thể hiện cam kết chắc chắn của người nói.

Trong khi đó, trùng ngữ ngữ nghĩa liên quan đến việc sử dụng các từ, cụm từ trùng lặp, chòng chéo về mặt ý nghĩa. Ví dụ: *He is a famous superstar*. Trong ví dụ này, bản thân từ “superstar” (siêu sao) đã được định nghĩa là “an extremely famous actor, singer, musician, sports player, etc.” (một diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vận động viên... rất nổi tiếng), tuy nhiên người nói vẫn thêm tính từ “famous” (nổi tiếng) để mô tả thêm.

2.3. Chức năng của trùng ngữ

Xét về chức năng của trùng ngữ, theo các nghiên cứu của Horberry (2010), Ingels (2006), trùng ngữ được sử dụng để đạt được các hiệu ứng ngôn ngữ, thơ ca và văn xuôi. Vì chúng được sử dụng như một phép lặp tu từ nên chúng rất hữu ích để củng cố một lập luận, một ý tưởng hoặc một câu hỏi khiến cho cách diễn đạt trở nên dễ hiểu và rõ ràng hơn. Hay nói cách khác, trùng ngữ có chức năng làm rõ ý. Đồng thời, trùng ngữ còn được sử dụng như một biện pháp tu từ nhằm nhấn mạnh ý [11][18]. Theo tác giả Atkinson (2012), chức năng chủ yếu của trùng ngữ chính là để nhấn mạnh, củng cố lại một lập luận. Tác giả Cao Xuân Hạo (2001) cho rằng ngoài mặt ý nghĩa, trùng ngữ còn có tác dụng to lớn về mặt hài âm, đặc biệt trong thơ ca khi việc thêm từ sẽ khiến thay đổi số từ trong câu hoặc hợp với vần điệu chung của tác phẩm.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Trước tiên, bài viết hệ thống hóa một số vấn đề lý thuyết về hiện tượng trùng ngữ nhằm cung cấp cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu. Sau đó, chúng tôi tiến hành phân tích các nghiên cứu về trùng ngữ theo hướng tổng hợp các ví dụ cụ thể về trùng ngữ trong các tác phẩm văn học, hoặc của các tác giả nhất định nhằm minh họa cho việc phân loại trùng ngữ cũng như việc sử dụng trùng ngữ có mục đích của các tác giả này. Tác giả Muhammed và Meftin (2014) đã tiến hành thống kê các trường hợp trùng ngữ trong kinh thánh và chỉ ra

rằng việc sử dụng trùng ngữ trong kinh thánh không hề dư thừa mà hoàn toàn cần thiết để nhấn mạnh. Các tác giả cũng xác định loại trùng ngữ được sử dụng trong kinh thánh chủ yếu là trùng ngữ ngữ nghĩa khi toàn bộ câu được lặp lại bằng một câu theo sau với ý nghĩa tương tự. Tác giả Prafitri và Suhatmady (2014) đã tiến hành khảo lược 08 bài thơ của nhà thơ William Blake và rút ra kết luận: trùng ngữ là một trong những biện pháp tu từ được tác giả này sử dụng trong các tác phẩm của mình. Nhóm nghiên cứu cũng rút ra khái niệm về trùng ngữ là một cách diễn đạt lặp lại ý nghĩa của câu/từ trước hoặc sau trong bài. Theo tác giả Collier (1843), một nhà nghiên cứu chuyên sâu về các tác phẩm của Shakespeare, đại thi hào là một bậc thầy về việc sử dụng các biện pháp tu từ trong các tác phẩm của mình, trong đó có hiện tượng trùng ngữ đặc biệt xuất hiện nhiều trong các tác phẩm kịch như *Hamlet*, *Twelfth night*, *Julius Caesar*... Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã quyết định lựa chọn một trong các tác phẩm này là *Julius Caesar* để phân tích hiện tượng trùng ngữ về mặt phân loại và chức năng. Sau đó, chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả để phân tích ngữ cảnh của từng câu thơ, từ đó làm rõ các đặc điểm về mặt cấu trúc và ngữ nghĩa của các hiện tượng trùng ngữ trong tác phẩm kịch này. Trong quá trình vận dụng phương pháp này, tác giả sử dụng thủ pháp thống kê, phân loại và hệ thống hóa.

Khi nghiên cứu hiện tượng trùng ngữ trong tác phẩm *Julius Caesar* của William Shakespeare, chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả để làm rõ các đặc điểm về mặt ngữ nghĩa của hiện tượng trùng ngữ trong tác phẩm *Julius Caesar* của William Shakespeare. Trong quá trình vận dụng phương pháp này, chúng tôi sử dụng một số thủ pháp nghiên cứu sau đây: thủ pháp thống kê, thủ pháp phân loại, thủ pháp hệ thống hóa. Tiêu chuẩn mô tả được xác định là: hình thức cấu tạo của hiện tượng trùng ngữ, đặc điểm ngữ nghĩa của hiện tượng trùng ngữ, giá trị của hiện tượng trùng ngữ trong các phong cách chức năng. Sau đó, chúng tôi sử dụng cách phân tích đối chiếu lí thuyết để giải thích tài liệu đối chiếu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Trong phần này, tác giả đề cập đến việc áp dụng những gì đã được trình bày trong các phần trước thông qua tổng hợp các hiện tượng trùng ngữ xuất hiện trong tác phẩm kịch *Julius Caesar* của William Shakespere. Chúng tôi lựa chọn các tác phẩm của tác giả chuyên nghiệp bởi họ là những người được đào tạo để hiểu rõ giá trị của các biện pháp tu từ mà họ sử dụng, trong đó có trùng ngữ. Chính vì vậy, việc phân tích hiện tượng trùng ngữ trong các tác phẩm văn học sẽ giúp nhóm tác giả khai thác được các giá trị khác nhau của trùng ngữ nhiều hơn và có ý nghĩa hơn so với việc sử dụng trùng ngữ trong ngôn ngữ hàng ngày.

Phân tích bao gồm việc xác định hiện tượng trùng ngữ trong tác phẩm kịch *Julius Ceasar*. Sau đó, phân tích theo các loại trùng ngữ và các chức năng tu từ mà chúng thực hiện được trong câu. Kết quả nhóm nghiên cứu tìm được 35 trường hợp sử dụng trùng ngữ trong số tổng cộng 2767 dòng (được chia thành 5 màn, 17 cảnh), cụ thể như sau:

1. *You blocks, you stones, you worse than senseless things!*

O you hard hearts, you cruel men of Rome (Màn 1, cảnh 1)

Đây là phân cảnh Marullus nói về Caesar khi ông vừa trở về sau trận chiến thắng Pompey và mang theo nhiều chiến lợi phẩm về thành Rome. Marullus là một trong những người phản đối Caesar và cho rằng Caesar là một kẻ độc tài. Ở đây, tác giả đã sử dụng trùng ngữ ngữ nghĩa khi sử dụng “hard hearts” và “cruel men” đều có cùng một nghĩa là những con người hung ác để nói về Caesar và đồng minh, nhằm nhấn mạnh mức độ tàn bạo của họ.

2. *Go you down that way towards the Capitol.* (Màn 1, Cảnh 1)

Flavius lệnh cho Marullus đến điện Capitol để chuẩn bị cho các nghi lễ tôn vinh Caesar chiến thắng trở về. Ở đây việc sử dụng từ “down” (xuống) chen vào cụm từ “Go you down that way” (đi con đường đó) là không cần thiết, chỉ cần nói “go that way”. Đây chính là trùng ngữ ngữ nghĩa khi từ “down” không bổ sung gì thêm cho ý nghĩa của câu mà chỉ khiến cho lời nói trở nên dài dòng, rườm rà hơn. Tuy nhiên, việc chêm vào từ “down” giúp cho câu thơ này duy trì nhịp thơ 10 âm tiết giống các câu thơ khác cạnh nó, hay nói cách khác giúp tuân thủ luật hài âm.

3. *If you do find them decked with ceremonies.* (Màn 1, cảnh 1)

Câu này vẫn nằm trong ngữ cảnh Flavius ra lệnh cho Marullus đến Điện Capitol và tổ chức các nghi lễ cho lễ diễu binh chiến thắng. Đây là câu chứa khẳng định kép. Việc thêm trợ động từ khẳng định “do” chỉ không làm ảnh hưởng đến nghĩa của câu. “do” trong ví dụ này đóng vai trò là một trợ động từ rỗng (empty auxiliary verb). Bằng việc sử dụng trợ động từ “do”, tác giả muốn nhấn mạnh việc nhắc nhở Marullus cần làm với các bức tượng dùng để trang trí cho buổi lễ.

4. *That you do love me, I am nothing jealous;* (Màn 1, Cảnh 2)

Cassius tôn vinh những chiến công và ngợi ca con người của Brutus nhằm thuyết phục Brutus về âm mưu sát hại Caesar. Nghe những lời đó, Brutus đã trả lời như trên. Trợ động từ “do” đứng trước động từ “love” là một cách dùng thừa về mặt ngữ pháp, do đó là trùng ngữ cú pháp, nhằm nhấn mạnh rằng Brutus không hề nghi ngờ gì về lòng tôn kính của Cassius dành cho mình.

5. *I pray you, do.* (Màn 1, cảnh 2)

Cassius nói với Brutus rằng anh ấy cầu nguyện để mọi thứ diễn ra đúng hướng.

Tác giả sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “do” sau mệnh đề nhằm nhấn mạnh việc mình cầu nguyện cho Brutus, cho kế hoạch ám sát Caesar diễn ra suôn sẻ.

6. *Caesar doth bear me hard, but he loves Brutus.* (Màn 1, cảnh 2)

Cassius nói với Brutus sự đối nghịch giữa tình cảm Caesar dành cho anh ta và Brutus. Tác giả sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “doth” (does) trước động từ chính “bear” nhằm nhấn mạnh sự tương phản rằng Caesar rất yêu quý Brutus nhưng không hề ưa Cassius. Thực tế Caesar đã dành rất nhiều đặc ân cho Brutus.

7. *I am not gamesome. I do lack some part*

Of that quick spirit that is in Antony. (Màn 1, cảnh 2)

Brutus trả lời Cassius rằng anh ta sẽ không đến xem buổi đua ngựa được tổ chức nhằm chào đón Caesar chiến thắng trở về. Anh ta không có tâm trạng để tham gia lễ hội. Việc sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “do” trước động từ “lack” ở đây nhằm mục đích tạo sự nhấn mạnh rằng Brutus cảm thấy mình thực sự không có tinh thần thi đấu như Antony.

8. *Brutus, I do observe you now of late.*

I have not from your eyes that gentleness (Màn 1, cảnh 2)

Khi thấy tâm trạng buồn bã của Brutus, Cassius nói rằng anh ta nhận thấy Brutus gần đây không còn tỏ ra thân thiện với mình như trước nữa. Việc sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “do” trước động từ “observe” ở đây nhằm mục đích tạo sự nhấn mạnh rằng Cassius đã thực sự quan sát Brutus rất kỹ.

9. *What means this shouting? I do fear the people*

Choose Caesar for their king. (Màn 1, cảnh 2)

Cuộc đối thoại giữa Brutus và Cassius bị gián đoạn bởi những tiếng reo hò không ngớt của người dân chào đón Caesar. Việc sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “do” trước động từ “fear” ở đây nhằm mục đích tạo sự nhấn mạnh rằng Brutus thực sự không muốn người dân Roman chọn Caesar làm vua.

10. *As well as I do know your outward favor.* (Màn 1, Cảnh 2)

Nhận thấy Brutus bộc lộ cảm xúc không muốn Caesar lên làm vua của Roman, Cassius tiếp tục kích động Brutus bằng cách ngợi ca phẩm chất của Brutus không thua kém gì Caesar. Việc sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “do” trước động từ “know” ở đây nhằm mục đích tạo sự nhấn mạnh với Brutus rằng Cassius thật sự hiểu rất rõ Brutus là một người đáng tôn kính.

11. *But to my thinking he was very loath to lay fingers off it.* (Màn 1, cảnh 2)

Casca mô tả lại buổi lễ trao vương miện cho Caesar. Caesar đã từ chối nhận vương miện nhưng Casca cho rằng Caesar chỉ giả vờ như vậy còn thực chất ông ta rất muốn được lên làm vua của Roman. Tính từ “loath” mang nghĩa là làm việc gì đó một cách rất khiên nhường, miễn cưỡng. Tuy nhiên, tác giả vẫn dùng thêm trạng từ mức độ “very” (rất) đã được bao hàm trong từ “loath” rồi, nhằm mục đích nhấn mạnh hơn sự giả tạo của Caesar theo quan điểm của Casca. Đây là cách dùng trùng ngữ ngữ nghĩa.

12. *He was a man, take him for all in all, I shall not look upon his like again.*

but for mine own part it was Greek to me. (Màn 1, cảnh 2)

Cassius và Brutus đang thăm dò Casca về hành tung của Caesar và những người xung quanh ông ta. Casca nói với Cassius rằng Cicero đã nói điều gì đó bằng tiếng Hy Lạp

và anh ta không hiểu. Tác giả sử dụng trùng ngữ cú pháp bằng cách sử dụng đại từ sở hữu “mine” (của tôi) đồng thời với từ “own” (là chủ của). Ở đây, trùng ngữ cú pháp được dùng để khẳng định ý chắc chắn về sự sở hữu.

13. *And when the fit was on him, I did mark*

How he did shake. 'Tis true, this god did shake. (Màn 1, cảnh 2)

Cassius thuật lại sự việc tại Tây Ban Nha khi Caesar bị sốt nhằm minh chứng cho việc Caesar là một kẻ yếu đuối. Tác giả sử dụng hai trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “did” trước động từ “mark” và “shake” để nhấn mạnh chính mắt Cassius chứng kiến khi Caesar bị sốt, ông ta thực sự đã run lên như thế nào.

14. *Did lose his luster . I did hear him groan;* (Màn 1, cảnh 2)

Cassius tiếp tục mô tả Caesar là một kẻ yếu đuối. Tác giả sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “did” trước động từ “hear” để nhấn mạnh chính Cassius chứng kiến Caesar rên rỉ vì đau trong trận chiến tại Tây Ban Nha.

15. *I do believe that these applauses are*

For some new honors that are heaped on Caesar. (Màn 1, cảnh 2)

Trong buổi lễ tôn vinh Caesar, dân chúng đang hò reo ăn mừng chiến công của ông. Brutus không tham dự buổi lễ nhưng vẫn nhấn mạnh việc mình biết rõ những tiếng vỗ tay ấy là dành cho Caesar thông qua việc sử dụng trợ động từ “do” trước động từ “believe” (tin tưởng). Điều này cho thấy bản thân Brutus cũng công nhận Caesar là một chiến binh, một nhà lãnh đạo vĩ đại, được dân chúng ủng hộ.

16. *Why, man, he doth bestride the narrow world*

Like a Colossus, and we petty men

Walk under his huge legs and peep about (Màn 1, cảnh 2)

Cassius bày tỏ sự đố kị với Caesar khi ông ta như một người khổng lồ đứng trên cả thế giới còn mình và Brutus chỉ là những kẻ hèn mọn dưới chân Caesar. Câu nói này cũng nhằm kích động Brutus, lôi kéo Brutus tham gia kế hoạch ám sát Caesar. Tác giả sử dụng trùng ngữ cú pháp với việc dùng trợ động từ “doth” (does) trước động từ “bestride” (ngồi dạng chân) nhằm nhấn mạnh sự tương phản giữa vị thế của Caesar và Brutus, nhằm kích động những suy nghĩ hỗn loạn trong Brutus.

17. *Knew you not Pompey? Many a time and oft.* (Màn 1, Cảnh 1)

Marullus chỉ ra rằng việc người dân tung hô chiến thắng của Caesar thật lố bịch vì trước đây người dân đã từng đổ xô ra đường và xếp hàng dài để tôn vinh Pompey như một nhà lãnh đạo vĩ đại nhưng giờ đây họ lại đang ăn mừng chiến thắng của Caesar trước Pompey.

Thay vì dùng “Many times” (nhiều lần) thì tác giả chêm mạo từ “a” vào giữa và theo đó “time” trở thành số ít. Do đó đây là trùng ngữ cú pháp. Cách dùng này nhấn mạnh rất nhiều lần (many a time) người dân thành Rome từng tập trung đi xem Pompey vĩ đại diễu hành trên đường.

18. *That I do fawn on men and hug them hard.* (Màn 1, cảnh 2)

Khi thấy Brutus do dự, Cassius liền đảm bảo rằng anh ta là một người lịch thiệp, thậm chí vẫn cư xử tốt ngay cả với những kẻ chống đối mình. Trợ động từ “do” ở đây chính là trùng ngữ cú pháp được sử dụng nhằm nhấn mạnh hành động đó của anh ta.

19. *The torrent roared, and we did buffet it.* (Màn 1, cảnh 2)

Cassius kể về lần Caesar suýt bị nhấn chìm trên sông Tiber và phải cầu cứu sự giúp đỡ từ Cassius. Trợ động từ “did” được sử dụng ở đây nhằm nhấn mạnh nỗ lực của hai con người đang vật lộn để thoát khỏi dòng nước dữ. Đây là trùng ngữ cú pháp

20. *He doth, for he did bid Antonius*

Send word to you he would be there tomorrow. (Màn 1, cảnh 3)

Trong kế hoạch ám sát Caesar, Cassius đã làm giả một bức thư của các vị nguyên lão để mời Caesar đến điện Capitol. Đây là phân cảnh Cassius thăm dò Casca về thái độ của Caesar khi nhận được thư. Casa nói rằng Caesar sẽ đến. Việc sử dụng trợ động từ “doth” (does) nhằm khẳng định chắc chắn điều này.

21. *The breast of heaven, I did present myself*

Even in the aim and very flash of it. (Màn 1, cảnh 3)

Cassius nói với Casca về sự dũng cảm của mình. Để khắc họa điều này, Cassius đã đưa ra hình ảnh mình sẵn sàng đương đầu với sấm sét. Tác giả sử dụng trợ động từ “did” ở đây nhằm nhấn mạnh sự dũng cảm này.

22. *Caius Ligarius doth bear Caesar hard,*

Who rated him for speaking well of Pompey.

I wonder none of you have thought of him. (Màn 2, cảnh 1)

Trong khi tìm kiếm đồng minh tham gia kế hoạch ám sát Caesar, Metellus đề xuất cái tên Caius Ligarius - kẻ vốn không ưa gì Caesar vì từng bị ông ta chỉ trích thậm tệ. Trợ động từ “doth” (does) được sử dụng ở đây nhằm nhấn mạnh việc Caius đã chịu đựng Caesar từ lâu nay.

23. *I am ashamed I did yield to them.*

Give me my robe, for I will go. (Màn 2, cảnh 2)

Decius thuyết phục Caesar đến gặp các vị nguyên lão theo nội dung bức thư giả mạo nhằm thực hiện kế hoạch ám sát Caesar. Tuy nhiên, ban đầu Caesar đã từ chối vì lời can ngăn của vợ vì nàng đã gặp ác mộng như là một điềm báo không lành. Decius đã cố tình mĩa mai rằng Caesar đang sợ hãi chỉ vì giấc mơ của vợ mình. Câu nói đã tác động mạnh mẽ đến Caesar, khiến ông quyết định đi, và bày tỏ mình thấy xấu hổ vì đã nghe lời can ngăn của vợ. Trợ động từ “did” được dùng ở đây là trùng ngữ cú pháp, nhằm nhấn mạnh việc bản thân ông đã khuất phục trước lời khuyên của vợ mình.

24. *The skies are painted with unnumbered sparks;*

They are all fire, and every one doth shine.

But there's but one in all doth hold his place. (Màn 3, cảnh 1)

Caesar bác bỏ lời thỉnh cầu trả tự do cho Publius của Cassius và Brutus, khẳng định sự kiên định của mình. Caesar cho rằng chỉ có những người mạnh mẽ kiên định mới có thể thành công, giống như hàng hà sa số những vì sao đang tỏa sáng trên trời kia, nhưng chỉ có một ngôi sao giữ vững được vị trí của mình. Tác giả sử dụng trợ động từ “doth” (does) trước động từ chính “shine” (tỏa sáng) tạo thành trùng ngữ cú pháp. Điều này nhấn mạnh sự chắc chắn trong quan điểm của Caesar.

25. *Trebonius doth desire you to o'erread,*

At your best leisure, this his humble suit. (Màn 3, cảnh 1)

Caesar đang trên đường đến gặp các vị nguyên lão tại điện Capitol thì bị Artemidorus tìm mọi cách ngăn cản. Tuy nhiên, Decius vẫn ra sức thuyết phục Caesar đi ngay vì Trebonius, một đồng minh mà Caesar rất tin cậy đang rất cần gặp ông ta ngay lúc này. Decius sử dụng trợ động từ “doth” (does) trước động từ chính “desire” (khao khát) để nhấn mạnh mức độ khẩn thiết của việc Trebonius cần gặp Caesar.

26. *Liberty! Freedom! Tyranny is dead!*

Run hence, proclaim, cry it about the streets. (Màn 3, cảnh 1)

Cinna reo lên khi Caesar bị hạ ngục. Việc sử dụng đồng thời hai từ “Liberty” và “Freedom” đều mang nghĩa là tự do cạnh nhau trong trường hợp này chính là trùng ngữ ngữ nghĩa nhằm nhấn mạnh giá trị của tự do, đồng thời làm rõ nghĩa hơn rằng đây không chỉ là tự do thoát khỏi xiềng xích luật lệ mà Caesar lập nên mà còn là tự do tự tại trong bản thân mỗi cá nhân.

27. *Brutus shall lead, and we will grace his heels*

With the most boldest and best hearts of Rome. (Màn 3, cảnh 1)

Sau cái chết của Caesar, Cassius cho rằng người dân thành Rome sẽ ủng hộ Brutus lên lãnh đạo bởi Brutus là con người dũng cảm và tốt đẹp nhất thành Rome. Dòng cuối cùng của đoạn trích chứa từ “the most boldest”. Trong tiếng Anh, để tạo thành dạng so sánh nhất, một tính từ cần có “most” ở phía trước hoặc thêm “-est” vào cuối, tùy thuộc vào tính từ ngắn hay dài. Nhưng ở đây, tác giả lại dùng cả hai kiểu so sánh đồng thời. Cách sử dụng như vậy hoàn toàn phi ngữ pháp. Do đó, trùng ngữ trong trường hợp này chính là trùng ngữ cú pháp. Chắc chắn Shakespeare không phải không biết các quy tắc so sánh của tiếng Anh. Trong câu trên, tác giả muốn tạo ra một hiệu ứng nào đó để nhấn mạnh. Thông qua việc kết hợp cả hai hình thức so sánh, ông thể hiện mức độ dũng cảm của Brutus vượt trội hơn những người khác theo quan điểm của Cassius. Đồng thời, lối sử dụng tăng mức độ so sánh như vậy cũng giúp Shakespeare duy trì nhịp thơ iambic. William Shakespeare

đã viết phần lớn các vở kịch và thơ của mình bằng thể thơ iambic (mỗi câu chứa 10 âm tiết, các âm tiết xen kẽ giữa nhịp không nhấn và nhấn trọng âm), như ông đã làm trong đoạn trích trên. Hay nói cách khác, cách dùng trùng ngữ cú pháp “most unkindest” giúp tuân thủ luật hài âm cho câu thơ trên

28. *Here is a mourning Rome, a dangerous Rome,*

No Rome of safety for Octavius yet. (Màn 3, cảnh 1)

Sau cái chết của Caesar, Antony cho rằng thành Rome không còn là nơi an toàn cho Octavius - con trai của Caesar nữa. Việc tác giả sử dụng từ “dangerous” (nguy hiểm) và “no safety” (không an toàn) chính là trùng ngữ nghĩa bởi hai từ này mang nghĩa bao hàm lẫn nhau. Điều này nhấn mạnh mức độ nguy hiểm của thành Rome trong tình cảnh hiện tại đối với Octavius, đồng thời cũng làm rõ thêm nghĩa cho từ “dangerous” trước đó.

29. *Be it so.*

I do desire no more. (Màn 3, cảnh 1)

Nhìn thấy thi thể của Caesar, Antony chấp nhận điều kiện của Brutus sẽ không buộc tội ông ta và các vị nguyên lão khác để được phép mang xác của Caesar đi. Việc sử dụng trùng ngữ cú pháp khi dùng trợ động từ “do” trước động từ chính “desire” (khao khát) nhằm nhấn mạnh độ chắc chắn trong lời hứa của Antony.

30. *Caesar did write for him to come to Rome.*

He did receive his letters and is coming, (Màn 3, cảnh 1)

Người hầu của Octavius khẳng định ông ấy đã nhận được thư của Caesar và đang trên đường tới Rome. Việc sử dụng trùng nghĩa cú pháp khi dùng trợ động từ “did” trước động từ “receive” (nhận được) cho thấy sự chắc chắn trong câu nói của anh ta.

31. *I thrice presented him a kingly crown,*

Which he did thrice refuse. Was this ambition? (Màn 3, cảnh 2)

Antony nói trước công chúng về cái chết của Caesar, khẳng định Caesar không tham vọng như Brutus vừa buộc tội ông, dẫn chứng rằng chính Antony đã ba lần trao vương miện để phong Caesar làm vua nhưng ông đều từ chối. Việc sử dụng trùng nghĩa cú pháp khi dùng trợ động từ ‘did’ trước động từ “refuse” (từ chối) nhấn mạnh sự kiên định trong hành động và tư tưởng của Caesar.

32. *This was the most unkindest cut of all.* (Màn 3 cảnh 2)

Sau khi Julius Caesar bị giết, Antony đã kinh hoàng khi nhìn thấy chiếc áo choàng của anh ta với tất cả những vết dao găm do bạn bè và kẻ thù của Caesar gây ra. Dòng cuối cùng của đoạn trích chứa từ “the most unkindest”. Cách sử dụng như vậy giống trường hợp câu 27 ở trên, hoàn toàn phi ngữ pháp. Do đó, trùng ngữ trong trường hợp này chính là

trùng ngữ cú pháp. Thông qua việc kết hợp cả hai hình thức so sánh, ông thể hiện mức độ tàn ác của Brutus khủng khiếp hơn những người khác. Đồng thời, lối sử dụng tăng mức độ so sánh như vậy cũng giúp Shakespeare duy trì nhịp thơ iambic như trong trường hợp 27, hay nói cách khác tuân thủ luật hài âm.

33. *Revenge! About! Seek! Burn! Fire! Kill!*

Slay! Let not a traitor live! (Màn 3, cảnh 2)

Dân chúng sau khi nghe lời nói của Antony kích động gọi Brutus và bè lũ là những kẻ phản bội và yêu cầu trả thù cho Caesar. Ở đây, tác giả đã sử dụng một loạt động từ mạnh trong đó có “kill” và “slay” đều là giết chết. Đây là trùng ngữ ngữ nghĩa nhằm nhấn mạnh sự cuồng nộ của dân chúng trước hành động ám sát Caesar của Brutus và bè lũ. Đồng thời, từ “slay” đặt phía sau cũng giải thích rõ thêm tầng nghĩa cho từ “kill” phía trước, rằng không thể để những kẻ phản bội đó chết một cách nhẹ nhàng mà phải ra tay thật tàn bạo đối với chúng.

34. *O, look, Titinius, look, the villains fly!*

Myself have to mine own turned enemy. (Màn 5, cảnh 3)

Trong khi Cassius chiến đấu chống lại sự truy sát của Antony, hắn nhìn thấy quân lính của mình tháo chạy. Hắn đã giết chết người lính cầm cờ chiến của quân mình, đoạt lấy lá cờ đó và kêu lên bẽ bàng rằng bản thân đã trở thành kẻ thù của chính quân mình. Ở đây tác giả sử dụng đại từ “mine” (của tôi) đi kèm với “own” (là chủ của) có nghĩa bao hàm lẫn nhau, đều là “chính bản thân tôi”, nhằm nhấn mạnh sự tuyệt vọng của Cassius khi đích thân giết chết quân lính của mình.

Trên đây là các trường hợp sử dụng trùng ngữ của tác giả Shakespeare trong tác phẩm *Julius Caesar* mà nhóm nghiên cứu chúng tôi đã tìm ra. Kết quả được tổng hợp lại trong bảng sau.

Bảng 1. Phân loại trùng ngữ trong tác phẩm *Julius Caesar* của William Shakespeare

| Phân loại | Số lượng | Phần trăm (%) |
|---------------------|----------|---------------|
| Trùng ngữ cú pháp | 29 | 82,9 |
| Trùng ngữ ngữ nghĩa | 6 | 17,1 |

Như vậy có thể thấy, tác giả William Shakespeare chủ yếu sử dụng trùng ngữ cú pháp trong tác phẩm này của mình. Cụ thể, phần lớn đều là trùng ngữ cú pháp dạng đa khẳng định khi dùng trợ động từ *do/does/did* trước động từ chính trong câu. Đây là dạng trùng ngữ thường được sử dụng trong lời nói ([9]. *Julius Caesar* vốn là tác phẩm kịch, các câu thơ trong bài đều là lời thoại của nhân vật nên lối sử dụng trợ động từ rỗng như vậy hoàn toàn phù hợp. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng trùng ngữ cú pháp dạng tăng mức độ trong so sánh nhưng không nhiều.

Chức năng của trùng ngữ trong 35 trường hợp trên được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 2. Chức năng của trùng ngữ trong tác phẩm *Julius Caesar* của Wiliam Shakespeare

| Chức năng | Số lượng (trùng ngữ) | Phần trăm (%) |
|----------------------|----------------------|---------------|
| Nhấn mạnh | 34 | 97,1 |
| Làm rõ nghĩa | 2 | 5,7 |
| Tuân thủ luật hài âm | 2 | 5,7 |

Thông qua bảng tổng hợp trên, chúng tôi nhận thấy chức năng chủ yếu của trùng ngữ trong câu chính là để nhấn mạnh ý, quan điểm của tác giả. Điều này đúng với nhận định của Atkinson (2012). Ngoài ra, các trường hợp trùng ngữ ngữ nghĩa trong tác phẩm ngoài tác dụng nhấn mạnh ý, còn có chức năng giúp câu thơ tuân thủ luật hài âm (câu 27 và 33), cụ thể trong trường hợp này là thể thơ theo nhịp iambic mà Shakespeare thường sử dụng trong các tác phẩm kịch của mình. Việc sử dụng thêm từ với nghĩa tương đồng với những từ đã dùng trước đó, hoặc sử dụng cả hai quy tắc trong so sánh nhất như ‘most unkindest’ đều nhằm mục đích giúp câu thơ duy trì số âm tiết là 10 và giữ quy tắc nhấn trọng âm trong thể thơ iambic này. Bên cạnh đó, hai trường hợp trùng ngữ ngữ nghĩa trong câu 26 và 34 cũng đồng thời sở hữu hai chức năng là nhấn mạnh ý và làm rõ thêm nghĩa. Như vậy, có thể nói trùng ngữ ngữ nghĩa trong tác phẩm này của William Shakespeare mang lại nhiều giá trị về mặt tu từ hơn so với trùng ngữ cú pháp.

4. KẾT LUẬN

Có thể thấy hai loại trùng ngữ mà William Shakespeare sử dụng trong tác phẩm *Julius Caesar* của mình đó là trùng nghĩa cú pháp và trùng nghĩa ngữ nghĩa. Trong đó, hầu hết là trùng ngữ cú pháp dạng đa khẳng định khi dùng trợ động từ ở dạng động từ chính trong câu. Đồng thời, qua các dẫn chứng được phân tích, có thể thấy loại trùng ngữ ngữ nghĩa mang lại nhiều giá trị về mặt tu từ hơn so với trùng ngữ cú pháp. Ngoài chức năng nhấn mạnh luận điểm của tác giả giống như trùng ngữ cú pháp, trùng ngữ ngữ nghĩa còn có tác dụng làm rõ nghĩa và giúp câu thơ tuân thủ luật hài âm. Bên cạnh đó, trùng ngữ thực sự là một hình thức diễn đạt lý thú trong tiếng Anh, gây ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc. Sở dĩ có điều này là do Shakespeare đã lựa chọn một hình thức cấu trúc ngôn ngữ khác thường để diễn đạt một nội dung ý nghĩa nào đó một cách độc đáo và hiệu quả. Sự dư thừa của các cụm từ và các câu được tìm thấy thông qua các ví dụ mà tác giả trích dẫn là rất rõ ràng. Nhưng thực tế trùng ngữ không phải là một cách biểu đạt thừa thãi, vu vơ mà ngược lại, chúng cần thiết để nhấn mạnh hoặc làm rõ một ý tưởng cụ thể, hoặc tạo nhịp điệu cho thơ ca. Hay nói cách khác trùng ngữ thực sự có giá trị biểu đạt sâu sắc. Kết luận này xác nhận giả thuyết của nghiên cứu.

Nghiên cứu đã lý giải được sự tồn tại và sự hợp lý của trùng ngữ thông qua chức năng của hiện tượng này trong những ví dụ cụ thể. Trong quá trình sử dụng tiếng Anh, nếu hiểu rõ cấu tạo cũng như ý nghĩa của những cấu trúc này, chúng ta sẽ không chỉ hiểu được tầng nghĩa tường minh mà còn có thể cảm được những điều hết sức thú vị, sâu xa, thâm thúy. Xa hơn nữa, chúng ta còn có thể đạt được mục đích diễn đạt tốt nhất. Việc nghiên cứu những hiện tượng ngôn ngữ phức tạp nhưng lý thú như vậy không chỉ có ý nghĩa trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ mà còn có ý nghĩa trong lĩnh vực văn hóa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Xuân Hải (2001), *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng (2005), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Atkinson, I. (2012), *Business Writing: How to write to Engage, Persuade and Sell*, London: Pearson Education Limited.
- [4] Baldick, C . (2001), *The Concise Oxford Dictionary of Literary Terms*, Oxford: Oxford University Press.
- [5] Blumenfeld, W. S. (1986). *Jumbo Shrimp & other almost perfect oxymorons: contradictory that make absolute sense*, The Putnam Publishing group.
- [6] Blumenfeld, W. S. (1988). *Pretty Ugly: more oxymorons and other illogical expressions that make absolute sense*, The Putnam Publishing group.
- [7] Collier, J. P. (1843), *The works of William Shakespeare, the text formed from an entirely new collation of the old editions, with notes*, Oxford: Oxford University Press.
- [8] Curse , D. A. (2006), *A Glossary of Semantics & Pragmatics*, Edinburgh: EUP.
- [9] Crystal, D. (2003), *A Dictionary of Linguistics and Phonetics*, London: Blackwell Publishing Ltd.
- [10] Cuddon, J.A. (1998), *The Penguin Dictionary of Literary Terms and Literary Theory*, London: Penguin Books .
- [11] Dupries, B . (1991), *A Dictionary of Literary Devices*, Toronto: University of Toronto Press.
- [12] Elster, C.H. (2012), *Pleonasm: A Word Every Writer and Copyeditor Should Know*, Retrieved from url//, <http://members.authorsguild.net/chelster/pleonasm-a-word-every-writer-and-copyeditor-should-know>, retrieved on January, 20, 2022.
- [13] Gill, A. and Dunne , A . (2013), *Unlocked memories: Writing the Story of Your Life*, Retrieved from www.hull.ac.uk/php/cetag/3dfig.htm, retrieved on January, 20, 2022.
- [14] Horberry, R. (2010), *Sounds Good on Paper: How to Bring Business Language to Life*, London : A & C Black Publishers Ltd.
- [15] Housman, A. E. (1896). *In summer time on Breden*, in *A Shropshire Lad*, p.21.
- [16] Hughes, P. (1984), *More on Oxymoron*, London: Jonathan Cape Ltd.
- [17] Ingles, M. B. (2006), *Legal English Communication Skills*, Berlin: M. Ingles & Acco.
- [18] Mark, F. (2013), *The Elements of Eloquence: How to Turn the Perfect English Phrase*, London : Ian Books .
- [19] Muhammed and Meftin (1924), *A Study of 'Pleonasm' with Reference to some Biblical Verses*, https://www.researchgate.net/publication/313367939_A_Study_of_Pleonasm_with_Reference_to_some_Biblical_Verses, retrieved on January, 27.
- [20] Murphy, M. L. and Koskela, A . (2010), *Key Terms in Semantics*, London: Continuum International Publishing Group.

- [21] Prafitri and Suhatmady (2014), *Semantic Deviation on William Blake's Selected Poems*, *BASTRA*, Vol.1, No.2.
- [22] Shakespeare, W. (1599), *Julius Caesar*, Retrieved from <https://www.folger.edu/explore/shakespeares-works/julius-caesar/read/>, retrieved on January, 02, 2022.
- [23] Wine searcher: The Monotony of Wine Monopolies (2021), Retrieved from <https://www.wine-searcher.com/m/2021/02/the-monotony-of-wine-monopolies>, retrieved on January, 25, 2022.

A REVIEW OF PLEONASM THROUGH THE WORK *JULIUS CAESAR* BY WILLIAM SHAKESPEARE

Nguyen Thanh Minh, Trinh Thi Thu, Hoang Thi Thu Ha, Mai Thuy Linh

ABSTRACT

This study addresses pleonasm - defined as the use of redundant words, phrases or sentences in speaking or writing - as one of the characteristics of English sentences. In this study, it is hypothesized that the redundancy of expressions in pleonasm is only outward appearances. Accordingly, the study analyzed all 2,767 verses of William Shakespeare's play Julius Caesar and found 35 verses to illustrate the classification of pleonasm: syntactic pleonasm and semantic pleonasm as well as its intended use in this work. The study has come to a number of conclusions, the most important of which is that the redundant words, phrases and sentences used in pleonasm are not useless; in fact, in some situations they are essential. By repeating part of a message, pleonasm emphasizes or clarifies a particular idea. This conclusion confirms the above hypothesis.

Keywords: *Pleonasm, syntactic pleonasm, semantic pleonasm, Julius Caesar, William Shakespear.*

* Ngày nộp bài: 16/4/2023; Ngày gửi phản biện: 20/4/2023; Ngày duyệt đăng: 26/4/2023

* Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ đề tài cấp cơ sở mã số đề tài ĐT-2020-28 của Trường Đại học Hồng Đức.